

Hà Nội, ngày 19. tháng 03 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành Quy chế niêm yết và giao dịch Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam

TỔNG GIÁM ĐỐC SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Nghị định số 158/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa;
- Căn cứ Nghị định số 51/2018/NĐ-CP ngày 09/4/2018 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 158/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa;
- Căn cứ Giấy phép thành lập Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam số 4596/GP-BCT do Bộ Công Thương cấp ngày 01/9/2010 và các Giấy phép sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam;
- Xét đề nghị của Khối Quản lý Giao dịch,

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Ban hành Quy chế niêm yết và giao dịch Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam đính kèm Quyết định này.
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Ban Giám đốc, các Đơn vị nghiệp vụ trực thuộc Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam, Thành viên Kinh doanh, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: Khối QLGD, HC./



SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA VIỆT NAM



**SỞ GIAO DỊCH
HÀNG HÓA
VIỆT NAM**

QUY CHẾ

**NIÊM YẾT VÀ GIAO DỊCH
HỢP ĐỒNG KỲ HẠN HEO MÀNH VIỆT NAM**



MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG.....	1
Điều 1. Phạm vi áp dụng	1
Điều 2. Đối tượng điều chỉnh	1
Điều 3. Giải thích thuật ngữ	1
CHƯƠNG II. NIÊM YẾT HỢP ĐỒNG KỲ HẠN HEO MẢNH VIỆT NAM.....	3
Điều 4. Đăng ký hàng hóa giao dịch	3
Điều 5. Nguyên tắc chung về niêm yết Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam.....	3
Điều 6. Hàng hóa cơ sở.....	3
Điều 7. Ngày đáo hạn	3
Điều 8. Nội dung đặc tả Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam.....	4
Điều 9. Cấu trúc mã giao dịch của Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam	4
Điều 10. Đơn vị giao dịch.....	4
Điều 11. Hủy niêm yết	4
CHƯƠNG III. GIAO DỊCH HỢP ĐỒNG KỲ HẠN HEO MẢNH VIỆT NAM.....	4
Điều 12. Quy tắc chung	4
Điều 13. Mở Tài khoản giao dịch hàng hóa	5
Điều 14. Phí giao dịch và các loại thuế, phí khác.....	5
Điều 15. Ký quỹ yêu cầu.....	5
Điều 16. Thời gian giao dịch	5
Điều 17. Khối lượng giao dịch	5
Điều 18. Biên độ dao động giá.....	5
Điều 19. Phương thức thực hiện Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam.....	6
Điều 20. Thời hạn giao nhận	6
Điều 21. Thời hạn thanh toán	6
Điều 22. Địa điểm giao nhận.....	6
Điều 23. Khối lượng tạm tính của heo mảnh.....	6
Điều 24. Khối lượng thực tế của heo mảnh	6
Điều 25. Phương thức giao dịch	6
Điều 26. Hiệu lực lệnh giao dịch	7
Điều 27. Các loại lệnh giao dịch	7
Điều 28. Lệnh thỏa thuận	7
Điều 29. Lệnh chào giá khớp lệnh từng phần	8
Điều 30. Lệnh chào giá khớp lệnh toàn phần.....	8

Điều 31. Nội dung của lệnh giao dịch khớp lệnh.....	8
Điều 32. Sửa, hủy lệnh giao dịch.....	9
Điều 33. Sửa lỗi giao dịch đã khớp lệnh	9
Điều 34. Tạm ngừng giao dịch.....	9
Điều 35. Giao nhận hàng hóa	10
Điều 36. Hoạt động ký quỹ của Khách hàng	10
Điều 37. Quy trình giao dịch Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam.....	10
Điều 38. Các biện pháp ổn định giao dịch.....	11
CHƯƠNG IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	11
Điều 39. Hiệu lực thi hành	11
Điều 40. Sửa đổi, bổ sung	11

QUY CHẾ

NIÊM YẾT VÀ GIAO DỊCH HỢP ĐỒNG KỲ HẠN HEO MẢNH VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **293/QĐ/TGD-MXV** ngày **19** tháng **03** năm 2026

của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam)

CHƯƠNG I.

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này quy định về hoạt động niêm yết và giao dịch Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam qua Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam (dưới đây viết tắt là “MXV”).

Điều 2. Đối tượng điều chỉnh

Đối tượng điều chỉnh của Quy chế này là Thành viên Kinh doanh, Thành viên Môi giới và các chủ thể liên quan tham gia vào chuỗi/chu trình giao dịch Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam qua MXV.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **“Biên độ dao động giá”** là khoảng dao động giá tối đa của Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam trong ngày phiên giao dịch.
2. **“Cơ sở chăn nuôi”** là đơn vị/mô hình do cá nhân, tổ chức vận hành/kinh doanh chăn nuôi heo tại Việt Nam, đáp ứng điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật về chăn nuôi, bao gồm: chăn nuôi trang trại quy mô lớn, quy mô vừa, quy mô nhỏ; chăn nuôi nông hộ.
3. **“Cơ sở giết mổ”** là đơn vị thực hiện hoạt động giết mổ động vật, đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về kiểm soát an toàn dịch bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo vệ môi trường.
4. **“Đặc tả hợp đồng”** là tài liệu mô tả những đặc điểm chi tiết của Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam do MXV quy định.
5. **“Giá khớp lệnh”** là giá giao dịch thành công được xác định từ kết quả khớp lệnh trên Hệ thống giao dịch của MXV.
6. **“Hệ thống giao dịch của MXV”** là trang thiết bị hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, các phần mềm phục vụ giao dịch, lưu trữ dữ liệu và an ninh bảo mật để đảm bảo các Thành viên của MXV có thể thực hiện các giao dịch mua bán hàng hóa thông qua Sở Giao dịch hàng hóa.
7. **“Hệ thống giao dịch trực tuyến của Thành viên”** là toàn bộ hoặc một phần hệ thống máy tính của Thành viên Kinh doanh kết nối với Hệ thống giao dịch của MXV để thực hiện giao dịch trực tuyến.
8. **“Hệ thống phân phối bán lẻ hiện đại”** là các tổ chức bán hàng có hệ thống quản lý tập trung, thực hiện phân phối hàng hóa thông qua siêu thị, cửa hàng tiện lợi, trung tâm thương mại.

9. **“Hợp đồng điện tử”** là thỏa thuận giữa bên mua và bên bán về việc giao nhận hàng hóa do Hệ thống giao dịch trực tuyến của Thành viên phát hành dưới dạng hợp đồng điện tử, trong đó thể hiện các thông số của lệnh giao dịch đã được khớp.
10. **“Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam”** là một loại hợp đồng do MXV niêm yết giao dịch, theo đó bên bán cam kết giao và bên mua cam kết nhận hàng hóa Heo mảnh Việt Nam tại một thời điểm trong tương lai theo hợp đồng.
11. **“Khách hàng”** là tổ chức, cá nhân có nhu cầu giao dịch Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam.
12. **“Ký quỹ”** là một khoản tiền hoặc tài sản được sử dụng để đảm bảo việc thực hiện các nghĩa vụ trong hợp đồng giao dịch.
13. **“Ký quỹ yêu cầu”** là mức ký quỹ tối thiểu mà Khách hàng phải có trên Tài khoản giao dịch hàng hóa theo quy định của MXV khi thực hiện mở vị thế.
14. **“Ngày phiên giao dịch”** được hiểu là một khoảng thời gian xác định diễn ra các hoạt động mua bán Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam theo quy định của MXV từng thời kỳ.
15. **“Phí giao dịch”** là khoản phí Khách hàng phải trả cho mỗi hợp đồng do MXV niêm yết khi lệnh giao dịch được khớp thành công.
16. **“Tài khoản giao dịch hàng hóa”** là tài khoản Khách hàng mở tại Thành viên Kinh doanh để thực hiện giao dịch Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam, quản lý tài sản ký quỹ và xác nhận hoàn thành nghĩa vụ giao nhận, thanh toán trên Hệ thống giao dịch trực tuyến của Thành viên.
17. **“Thành viên Kinh doanh”** là doanh nghiệp đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật và được MXV công nhận là Thành viên Kinh doanh.
18. **“Thành viên Môi giới”** là doanh nghiệp đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật và được MXV công nhận là Thành viên Môi giới.
19. **“Thỏa thuận giao nhận hàng hóa”** (dưới đây viết tắt là “thỏa thuận GNHH”) bao gồm Hợp đồng điện tử, văn bản thỏa thuận hoặc hình thức thỏa thuận khác có giá trị pháp lý tương đương theo quy định của pháp luật, được xác lập giữa bên mua và bên bán về việc giao nhận hàng hóa.
20. **“Trung tâm phân phối heo”** là địa điểm hoặc khu vực tập trung thực hiện hoạt động tiếp nhận, lưu giữ, phân loại, trung chuyển và phân phối heo hơi (heo còn sống).

Các khái niệm, thuật ngữ trong Quy chế này, nếu không được định nghĩa khác, sẽ được hiểu và áp dụng theo quy định của Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam, quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

CHƯƠNG II. NIÊM YẾT HỢP ĐỒNG KỲ HẠN HEO MẢNH VIỆT NAM

Điều 4. Đăng ký hàng hóa giao dịch

1. Đối tượng được đăng ký hàng hóa giao dịch
Đối tượng được đăng ký hàng hóa giao dịch bao gồm các cơ sở chăn nuôi, trung tâm phân phối heo, hệ thống phân phối bán lẻ hiện đại đáp ứng điều kiện sau đây:
 - 1.1. Điều kiện của cơ sở chăn nuôi, trung tâm phân phối heo
Đã hoàn thành đăng ký tham gia chuỗi/chu trình giao dịch Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam và được MXV chấp thuận theo quy định tại Quy chế giao nhận Heo mảnh Việt Nam do MXV ban hành.
 - 1.2. Điều kiện của hệ thống phân phối bán lẻ hiện đại
 - a) Tham gia vào các chương trình kiểm soát chất lượng hàng hóa, chuỗi cung ứng an toàn thực phẩm theo quy định của MXV từng thời kỳ;
 - b) Thực hiện việc nhận diện, quản lý và truy xuất nguồn gốc thịt heo thông qua các hệ thống, giải pháp hoặc chương trình truy xuất nguồn gốc theo quy định của MXV từng thời kỳ.
2. Trình tự xét duyệt đăng ký hàng hóa giao dịch
 - 2.1. Các chủ thể gửi Đơn đăng ký hàng hóa giao dịch (Mẫu số: 01/QC/GDHM) và hồ sơ theo quy định cho MXV;
 - 2.2. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, MXV xem xét tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ;
 - 2.3. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc cần bổ sung, MXV thông báo cho chủ thể đăng ký để hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không được bổ sung/sửa đổi/hoàn thiện trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày MXV thông báo, MXV có văn bản từ chối đăng ký hàng hóa giao dịch;
 - 2.4. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, MXV thực hiện việc xét duyệt hàng hóa giao dịch và ban hành văn bản chấp thuận hoặc từ chối đăng ký hàng hóa giao dịch.

Điều 5. Nguyên tắc chung về niêm yết Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam

1. MXV chịu trách nhiệm xây dựng đặc tả Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam.
2. MXV thực hiện niêm yết Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam.

Điều 6. Hàng hóa cơ sở

1. Hàng hóa cơ sở trong giao dịch Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam là các loại heo mảnh đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng theo quy định của MXV.
2. MXV quy định danh mục hàng hóa cơ sở áp dụng đối với giao dịch Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam theo từng thời kỳ.

Điều 7. Ngày đáo hạn

1. Ngày đáo hạn là ngày mà Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam hết hiệu lực niêm yết và được thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.

2. MXV quy định ngày đáo hạn áp dụng đối với giao dịch Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam theo từng thời kỳ.

Điều 8. Nội dung đặc tả Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam

Nội dung đặc tả Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam do MXV ban hành và quy định, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Hàng hóa cơ sở;
2. Mã hàng hóa;
3. Bước giá;
4. Đơn vị giao dịch;
5. Thời gian giao dịch;
6. Ngày đáo hạn;
7. Phương thức thanh toán;
8. Các nội dung, điều khoản khác theo quy định của MXV từng thời kỳ.

Điều 9. Cấu trúc mã giao dịch của Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam

1. Cấu trúc mã giao dịch của Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam bao gồm các nhóm ký tự thể hiện các nội dung sau đây:
 - 1.1. Loại hàng hóa cơ sở;
 - 1.2. Đơn vị đăng ký hàng hóa giao dịch;
 - 1.3. Thời gian đáo hạn của hợp đồng.
2. Cấu trúc mã giao dịch của Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam được MXV cụ thể hóa và công bố trong đặc tả hợp đồng theo từng thời kỳ.

Điều 10. Đơn vị giao dịch

1. Đơn vị giao dịch của lệnh giao dịch Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam được xác định là 01 (một) lô.
2. Khối lượng 01 (một) lô là 01 (một) mảnh hoặc các khối lượng khác theo quy định của MXV từng thời kỳ.

Điều 11. Hủy niêm yết

1. Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam bị hủy niêm yết trong các trường hợp sau:
 - 1.1. MXV xét thấy việc niêm yết giao dịch Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam không còn phù hợp với điều kiện thị trường;
 - 1.2. Theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
2. Trong trường hợp hủy niêm yết, các Thành viên Kinh doanh, Thành viên Môi giới, chủ thể tham gia có trách nhiệm tuân thủ các quy định về giao dịch và quyết định của MXV đối với các giao dịch đã khớp lệnh.

CHƯƠNG III.

GIAO DỊCH HỢP ĐỒNG KỲ HẠN HEO MẢNH VIỆT NAM

Điều 12. Quy tắc chung

1. Thành viên Kinh doanh thực hiện các hoạt động nhận uỷ thác mua bán hàng hóa cho Khách hàng.
2. Các giao dịch Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam được thực hiện qua Thành viên Kinh doanh. Hệ thống giao dịch của MXV nhận lệnh từ Thành viên Kinh doanh thông qua hệ thống tiếp nhận của MXV và Hệ thống giao dịch trực tuyến của Thành viên.

Điều 13. Mở Tài khoản giao dịch hàng hóa

1. Để mở Tài khoản giao dịch hàng hóa, Khách hàng thực hiện ký kết hợp đồng mở Tài khoản giao dịch hàng hóa với Thành viên Kinh doanh và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.
2. Sau khi mở Tài khoản giao dịch hàng hóa, Khách hàng được tham gia giao dịch Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam.

Điều 14. Phí giao dịch và các loại thuế, phí khác

1. MXV quy định mức phí giao dịch và phí khác (nếu có) áp dụng đối với giao dịch Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam theo từng thời kỳ.
2. Khách hàng có nghĩa vụ trả phí giao dịch cho Thành viên Kinh doanh đối với các lệnh khớp thành công theo quy định của MXV.
3. Thành viên Kinh doanh có nghĩa vụ trả phí giao dịch cho MXV đối với các lệnh của Khách hàng khớp thành công.
4. Các loại thuế, phí khác (nếu có) thu theo quy định của MXV và quy định pháp luật.
5. Phí giao dịch và các loại thuế, phí khác sẽ được MXV hạch toán vào cuối phiên giao dịch.

Điều 15. Ký quỹ yêu cầu

1. MXV quy định và công bố mức ký quỹ yêu cầu áp dụng đối với giao dịch Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam theo từng thời kỳ.
2. Khách hàng phải có đủ mức ký quỹ yêu cầu theo quy định của MXV trước khi đặt lệnh trên Hệ thống giao dịch trực tuyến của Thành viên.

Điều 16. Thời gian giao dịch

1. MXV tổ chức giao dịch Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam tất cả các ngày trong tuần.
2. MXV quy định và công bố thời gian diễn ra ngày phiên giao dịch áp dụng đối với giao dịch Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam theo từng thời kỳ.

Điều 17. Khối lượng giao dịch

1. Khối lượng chào mua là khối lượng của các lệnh đặt mua nhưng chưa khớp của mỗi loại hàng hóa và hợp đồng trên Hệ thống giao dịch của MXV tại thời điểm cụ thể.
2. Khối lượng chào bán là khối lượng của các lệnh đặt bán nhưng chưa khớp của mỗi loại hàng hóa và hợp đồng trên Hệ thống giao dịch của MXV tại thời điểm cụ thể.
3. Khối lượng giao dịch khớp lệnh là khối lượng của các lệnh được khớp của mỗi loại hàng hóa và hợp đồng trên Hệ thống giao dịch của MXV tại thời điểm cụ thể.

Điều 18. Biên độ dao động giá

1. MXV quy định biên độ dao động giá đối với Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam theo từng thời kỳ.

2. MXV quyết định thay đổi biên độ dao động giá đối với Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam tại MXV trong trường hợp cần thiết.

Điều 19. Phương thức thực hiện Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam

Phương thức thực hiện Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam là giao nhận hàng hóa.

Điều 20. Thời hạn giao nhận

1. MXV quy định thời hạn giao nhận áp dụng đối với giao dịch Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam theo từng thời kỳ.
2. Bên mua và bên bán thỏa thuận thời hạn giao nhận cụ thể trên cơ sở tuân thủ các quy định về thời hạn giao nhận của MXV.

Điều 21. Thời hạn thanh toán

1. MXV quy định và công bố thời hạn thanh toán áp dụng đối với giao dịch Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam theo từng thời kỳ.
2. Bên mua và bên bán thỏa thuận thời hạn thanh toán cụ thể trên cơ sở tuân thủ các quy định về thời hạn thanh toán của MXV.

Điều 22. Địa điểm giao nhận

1. MXV quy định các địa điểm được phép thực hiện việc giao nhận hàng hóa áp dụng đối với giao dịch Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam theo từng thời kỳ.
2. Bên mua và bên bán thỏa thuận địa điểm giao nhận cụ thể trên cơ sở tuân thủ các quy định về địa điểm giao nhận của MXV.

Điều 23. Khối lượng tạm tính của heo mảnh

1. Khối lượng tạm tính của heo mảnh là khối lượng quy ước của heo mảnh, được sử dụng làm căn cứ để xác định giá trị thanh toán tạm tính trong giao dịch Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam trên MXV.
2. MXV quy định và công bố khối lượng tạm tính áp dụng đối với từng loại heo mảnh trong giao dịch Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam theo từng thời kỳ.

Điều 24. Khối lượng thực tế của heo mảnh

1. Khối lượng thực tế của heo mảnh là khối lượng của heo mảnh được xác định tại thời điểm bên mua nhận hàng từ bên bán, được sử dụng làm căn cứ để xác định giá trị thanh toán thực tế mà bên mua phải thanh toán cho bên bán trong giao dịch Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam trên MXV.
2. Việc xác định, ghi nhận khối lượng thực tế của heo mảnh được thực hiện theo quy trình giao nhận và các quy định có liên quan của MXV theo từng thời kỳ.

Điều 25. Phương thức giao dịch

1. Phương thức giao dịch Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam bao gồm các phương thức sau đây:
 - 1.1. Phương thức khớp lệnh định kỳ;
 - 1.2. Phương thức khớp lệnh liên tục.

- 1.3. Phương thức khớp lệnh định kỳ là phương thức giao dịch được thực hiện trên cơ sở so khớp các lệnh mua và lệnh bán tại một thời điểm xác định trong ngày phiên giao dịch theo quy định của MXV.
- 1.4. Phương thức khớp lệnh liên tục là phương thức giao dịch được thực hiện trên cơ sở so khớp các lệnh mua và lệnh bán ngay khi lệnh được nhập vào hệ thống.
2. MXV quy định phương thức giao dịch áp dụng đối với giao dịch Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam theo từng thời kỳ.

Điều 26. Hiệu lực lệnh giao dịch

1. Lệnh giao dịch có hiệu lực trong ngày phiên giao dịch lệnh được đặt. Hết ngày phiên giao dịch, nếu lệnh không được khớp, lệnh sẽ bị hủy.
2. MXV quy định hiệu lực lệnh giao dịch áp dụng đối với giao dịch Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam theo từng thời kỳ.

Điều 27. Các loại lệnh giao dịch

1. Lệnh thỏa thuận là lệnh giao dịch trong đó bên mua và bên bán đã thỏa thuận trước về các điều khoản giao dịch và thực hiện việc đặt lệnh, xác nhận khớp lệnh trên Hệ thống giao dịch trực tuyến của Thành viên.
2. Lệnh chào giá là lệnh giao dịch trong đó bên mua hoặc bên bán nhập vào Hệ thống giao dịch trực tuyến của Thành viên để mua hoặc bán theo các điều khoản giao dịch xác định và được hiển thị công khai trên hệ thống.

Lệnh chào giá bao gồm các loại lệnh sau đây:

- 2.1. Lệnh chào giá khớp lệnh từng phần là lệnh chào giá cho phép khớp lệnh với một hoặc nhiều bên đối ứng.
- 2.2. Lệnh chào giá khớp lệnh toàn phần là lệnh chào giá cho phép một hoặc nhiều bên đối ứng tham gia khớp lệnh, nhưng chỉ một bên đối ứng được khớp lệnh.

Điều 28. Lệnh thỏa thuận

1. Các nội dung của lệnh thỏa thuận:
 - 1.1. Mã Tài khoản giao dịch hàng hóa đặt lệnh;
 - 1.2. Tên Tài khoản giao dịch hàng hóa đặt lệnh;
 - 1.3. Mã Tài khoản giao dịch hàng hóa đối ứng;
 - 1.4. Tên Tài khoản giao dịch hàng hóa đối ứng;
 - 1.5. Tên hàng hóa;
 - 1.6. Mã hàng hóa;
 - 1.7. Thời hạn thanh toán;
 - 1.8. Thời hạn giao nhận;
 - 1.9. Địa điểm giao nhận;
 - 1.10. Cơ sở giết mổ;
 - 1.11. Khối lượng đặt lệnh;
 - 1.12. Giá đặt lệnh;

1.13. Các nội dung khác.

2. Lệnh thỏa thuận được thực hiện theo phương thức khớp lệnh liên tục.

Điều 29. Lệnh chào giá khớp lệnh từng phần

1. Các nội dung của lệnh chào giá khớp lệnh từng phần:

- 1.1. Mã Tài khoản giao dịch hàng hóa đặt lệnh;
- 1.2. Tên Tài khoản giao dịch hàng hóa đặt lệnh;
- 1.3. Tên hàng hóa;
- 1.4. Mã hàng hóa;
- 1.5. Thời hạn thanh toán;
- 1.6. Thời hạn giao nhận;
- 1.7. Địa điểm giao nhận;
- 1.8. Chi phí vận chuyển;
- 1.9. Cơ sở giết mổ;
- 1.10. Khối lượng đặt lệnh;
- 1.11. Giá đặt lệnh;
- 1.12. Các nội dung khác.

2. Lệnh chào giá khớp lệnh từng phần được thực hiện theo phương thức khớp lệnh liên tục.

Điều 30. Lệnh chào giá khớp lệnh toàn phần

1. Các nội dung của lệnh chào giá khớp lệnh toàn phần:

- 1.1. Mã Tài khoản giao dịch hàng hóa đặt lệnh;
- 1.2. Tên Tài khoản giao dịch hàng hóa đặt lệnh;
- 1.3. Tên hàng hóa;
- 1.4. Mã hàng hóa;
- 1.5. Thời hạn thanh toán;
- 1.6. Thời hạn giao nhận;
- 1.7. Địa điểm giao nhận;
- 1.8. Cơ sở giết mổ;
- 1.9. Khối lượng đặt lệnh;
- 1.10. Giá đặt lệnh;
- 1.11. Các nội dung khác.

2. Lệnh chào giá khớp lệnh toàn phần được thực hiện theo phương thức khớp lệnh định kỳ.

Điều 31. Nội dung của lệnh giao dịch khớp lệnh

1. Nội dung của lệnh giao dịch khớp lệnh bao gồm các thông tin sau:

- 1.1. Mã giao dịch;

- 1.2. Mã Tài khoản giao dịch hàng hóa bên mua;
 - 1.3. Tên Tài khoản giao dịch hàng hóa bên mua;
 - 1.4. Mã Tài khoản giao dịch hàng hóa bên bán;
 - 1.5. Tên Tài khoản giao dịch hàng hóa bên bán;
 - 1.6. Tên hàng hóa;
 - 1.7. Mã hàng hóa;
 - 1.8. Khối lượng khớp lệnh;
 - 1.9. Giá khớp lệnh;
 - 1.10. Thời hạn giao nhận;
 - 1.11. Địa điểm giao nhận;
 - 1.12. Thời hạn thanh toán;
 - 1.13. Cơ sở giết mổ;
 - 1.14. Một số nội dung khác do MXV quy định.
2. MXV quy định về nội dung của lệnh giao dịch khớp lệnh áp dụng đối với giao dịch Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam theo từng thời kỳ.

Điều 32. Sửa, hủy lệnh giao dịch

1. Việc sửa lệnh, hủy lệnh giao dịch chỉ có hiệu lực đối với lệnh chưa được thực hiện hoặc phần còn lại của lệnh chưa được thực hiện.
2. Việc sửa, hủy lệnh giao dịch đã khớp lệnh được thực hiện theo quy định của MXV.
3. Trong trường hợp giao dịch đã được xác lập (kể cả lệnh đã khớp) ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi các Khách hàng hoặc toàn bộ giao dịch trên thị trường, MXV có quyền hủy bỏ giao dịch trên.

Điều 33. Sửa lỗi giao dịch đã khớp lệnh

1. Sau khi giao dịch đã được khớp lệnh trên Hệ thống giao dịch của MXV, nếu phát hiện lỗi giao dịch do nhầm lẫn, sai sót trong quá trình nhận lệnh, nhập lệnh vào Hệ thống giao dịch của MXV, Thành viên Kinh doanh phải báo cáo MXV về lỗi giao dịch và chịu trách nhiệm giải quyết với Khách hàng về lỗi giao dịch của mình.
2. Việc sửa lỗi sau giao dịch của Thành viên Kinh doanh phải tuân thủ quy định của MXV.

Điều 34. Tạm ngừng giao dịch

1. MXV quyết định và thông báo tạm ngừng giao dịch trong các trường hợp sau:
 - 1.1. Trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật;
 - 1.2. Hệ thống giao dịch và hệ thống tiếp nhận, chuyển lệnh của MXV gặp sự cố không thể giao dịch được như thường lệ;
 - 1.3. Khi có trên 1/2 số Thành viên Kinh doanh trên thị trường trở lên gặp sự cố về hệ thống;
 - 1.4. Các trường hợp khác khi MXV thấy cần thiết để bảo vệ lợi ích của Khách hàng;
 - 1.5. Theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Hoạt động giao dịch sẽ được tiếp tục ngay sau khi các sự kiện nêu tại Khoản 1 Điều này được khắc phục. Trường hợp không thể khắc phục thì ngày giao dịch sẽ được coi là kết thúc tại lần khớp lệnh cuối cùng trước đó.
3. MXV sẽ thông báo các thông tin về việc tạm ngừng giao dịch cho Thành viên Kinh doanh, Thành viên Môi giới và thực hiện công bố thông tin theo quy định.

Điều 35. Giao nhân hàng hóa

1. Bên mua và bên bán thỏa thuận về việc giao nhận hàng hóa trên cơ sở lệnh giao dịch đã khớp, xác lập thỏa thuận theo một trong hai hình thức sau:
 - 1.1. Giao kết hợp đồng điện tử trên Hệ thống giao dịch trực tuyến của Thành viên.
 - 1.2. Thỏa thuận bằng văn bản hoặc các hình thức thỏa thuận khác có giá trị pháp lý tương đương.
2. Trường hợp hai bên lựa chọn ký kết hợp đồng điện tử, việc ký kết được thực hiện như sau:
 - 2.1. Sau khi lệnh giao dịch đáp ứng các nguyên tắc khớp lệnh quy định tại Điều 28, 29, 30, Hệ thống giao dịch trực tuyến của Thành viên phát hành hợp đồng điện tử;
 - 2.2. Bên mua và bên bán thực hiện ký kết hợp đồng điện tử bằng chữ ký số trong thời hạn do MXV quy định. Quá thời hạn quy định, nếu việc ký kết hợp đồng điện tử chưa hoàn thành thì lệnh giao dịch bị hủy trên Hệ thống giao dịch trực tuyến của Thành viên;
 - 2.3. Lệnh giao dịch được xác nhận khớp lệnh trên Hệ thống giao dịch trực tuyến của Thành viên khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:
 - a) Lệnh giao dịch đáp ứng các nguyên tắc khớp lệnh quy định tại Điều 28, 29, 30;
 - b) Bên mua và bên bán hoàn thành việc ký kết hợp đồng điện tử.
3. Trường hợp hai bên không lựa chọn ký kết hợp đồng điện tử

Sau khi lệnh giao dịch được xác định khớp lệnh theo các nguyên tắc khớp lệnh quy định tại Điều 28, 29, 30, việc giao nhận hàng hóa được thực hiện như sau:

- 3.1. Theo thỏa thuận giữa hai bên bằng hình thức như nêu tại khoản 1 Điều này;
- 3.2. Phải đảm bảo đúng các nội dung của lệnh giao dịch đã khớp, bao gồm: chủng loại hàng hóa, thông tin của cơ sở giết mổ, khối lượng hàng hóa giao dịch, các tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, giá giao dịch, thời hạn và địa điểm giao nhận, thời hạn thanh toán.

Điều 36. Hoạt động ký quỹ của Khách hàng

Khi thực hiện giao dịch Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam, Khách hàng có trách nhiệm thực hiện ký quỹ với Thành viên Kinh doanh theo các nguyên tắc sau đây:

1. Khách hàng phải nộp đầy đủ ký quỹ theo mức ký quỹ yêu cầu của lệnh giao dịch trước khi thực hiện việc đặt lệnh trên Hệ thống giao dịch trực tuyến của Thành viên;
2. Khách hàng phải duy trì mức ký quỹ đối với các lệnh giao dịch đang chờ khớp. Trường hợp việc sửa lệnh đối với lệnh giao dịch đang chờ khớp làm phát sinh tăng mức ký quỹ yêu cầu, Khách hàng phải nộp bổ sung tiền ký quỹ tương ứng trước khi thực hiện việc sửa lệnh.

Điều 37. Quy trình giao dịch Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam

Quy trình giao dịch Hợp đồng kỳ hạn Heo mảnh Việt Nam được thực hiện theo trình tự sau đây:

1. Khách hàng mở Tài khoản giao dịch hàng hóa tại Thành viên Kinh doanh của MXV theo quy định;
2. Khách hàng thực hiện ký quỹ yêu cầu và đặt các lệnh mua hoặc lệnh bán trên Hệ thống giao dịch trực tuyến của Thành viên;
3. Lệnh mua hoặc lệnh bán được xác định khớp lệnh trên Hệ thống giao dịch trực tuyến của Thành viên theo các nguyên tắc quy định tại Điều 28, 29, 30 của Quy chế này. Trường hợp các bên lựa chọn ký kết hợp đồng điện tử, các bên phải hoàn thành việc ký kết hợp đồng điện tử trong thời hạn do MXV quy định;
4. Sau khi lệnh giao dịch khớp lệnh trên Hệ thống giao dịch trực tuyến của Thành viên, bên mua và bên bán thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về giao nhận hàng hóa và thanh toán theo thỏa thuận GNHH.

Điều 38. Các biện pháp ổn định giao dịch

MXV áp dụng một hoặc một số biện pháp sau đây để ổn định giao dịch:

1. Thay đổi số phiên giao dịch, thời gian giao dịch;
2. Áp dụng, điều chỉnh giới hạn lệnh;
3. Hạn chế mở vị thế mở mới;
4. Dừng nhận lệnh hoặc hủy bỏ các lệnh giao dịch;
5. Các biện pháp cần thiết khác nhằm ổn định giao dịch hoặc để bảo vệ Khách hàng khi MXV thấy cần thiết.

CHƯƠNG IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 39. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực theo quyết định của Tổng Giám đốc MXV.

Điều 40. Sửa đổi, bổ sung

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Tổng Giám đốc MXV quyết định./.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Đặng Việt Hưng

Mẫu số: 01/QC/GDHM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ HÀNG HÓA GIAO DỊCH

Kính gửi: Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam

I. Thông tin tổ chức đăng ký

1. Tên tổ chức (đầy đủ)⁽¹⁾:
2. Tên tiếng nước ngoài (nếu có)⁽²⁾:
3. Tên viết tắt (nếu có)⁽³⁾:
4. Địa chỉ⁽⁴⁾:
5. Điện thoại⁽⁵⁾:
6. Email⁽⁶⁾:
7. Website (nếu có)⁽⁷⁾:
8. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số⁽⁸⁾:
Ngày cấp:
9. Tên người đại diện pháp luật (hoặc tên người đại diện theo ủy quyền)⁽⁹⁾:
10. Giấy tờ ủy quyền⁽¹⁰⁾:
11. Số CCCD/CC⁽¹¹⁾: Ngày cấp:
12. Điện thoại⁽¹²⁾: Email:

II. Hàng hóa giao dịch đăng ký

(Trường hợp đăng ký nhiều hàng hóa, khai báo thông tin của tất cả hàng hóa theo các thông tin dưới đây)

1. Giống, chủng loại: (mô tả thông tin về giống, chủng loại)
.....
.....
2. Trọng lượng mảnh heo:
 - Khoảng biến động trọng lượng cho phép (kg):
 - Trọng lượng tạm tính một mảnh heo (kg):
3. Các tiêu chuẩn khác (tỷ lệ mỡ, ngoại hình, cảm quan, ...):
.....
.....

III. Cam kết của tổ chức đăng ký

Chúng tôi cam kết các thông tin đăng ký hàng hóa ở trên là đầy đủ và chính xác.

....., ngày ... tháng ... năm ...

[Tổ chức đăng ký]⁽¹⁾

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

HƯỚNG DẪN ĐIỀN THÔNG TIN

(Kèm theo Mẫu đơn đăng ký hàng hóa giao dịch qua Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam)

- (1) Mục 1 ghi tên tổ chức đăng ký đầy đủ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hợp tác xã hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ pháp lý khác có giá trị tương đương.
- (2) Mục 2 ghi tên tổ chức đăng ký bằng tiếng nước ngoài theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hợp tác xã hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ pháp lý khác có giá trị tương đương; trường hợp không có tên bằng tiếng nước ngoài không ghi vào mục này.
- (3) Mục 3 ghi tên viết tắt của tổ chức đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hợp tác xã hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ pháp lý khác có giá trị tương đương; trường hợp không có tên viết tắt không ghi vào mục này.
- (4) Mục 4 ghi chi tiết địa chỉ trụ sở chính của tổ chức đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ pháp lý khác có giá trị tương đương.
- (5) Mục 5 ghi thông tin số điện thoại của tổ chức đăng ký.
- (6) Mục 6 ghi thông tin địa chỉ email chính thức của tổ chức đăng ký.
- (7) Mục 7 ghi thông tin website của tổ chức đăng ký; trường hợp không có website thì không phải kê khai.
- (8) Mục 8 ghi chi tiết: Là “*Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số*” đối với chủ thể tham gia là doanh nghiệp. Là “*Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hợp tác xã số*” đối với chủ thể tham gia là hợp tác xã, liên hợp tác xã. Là “*Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số*” đối với chủ thể tham gia là hộ kinh doanh; hoặc giấy tờ pháp lý khác có giá trị tương đương.
- (9) Mục 9 ghi họ và tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức; trường hợp người ký đơn là người đại diện theo ủy quyền thì ghi họ và tên người đại diện theo ủy quyền.
- (10) Mục 10 chỉ kê khai nội dung này trong trường hợp người được ghi tại mục 9 là người đại diện theo ủy quyền.
- (11) Mục 11 ghi số CCCD/CC của người được ghi tại mục 9.
- (12) Mục 12 ghi thông tin số điện thoại, địa chỉ email của người được ghi tại mục 9.